

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦ THỪA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 14-02-2021
V/v thay đổi mức cấp dưỡng
nuôi con sau ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦ THỪA - TỈNH LONG AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Mạnh Quyết
2. Ông Cao Văn Lô

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy An – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Thường Ân – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 207/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2021 về việc “*Thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2021 và Thông báo về việc dời thời gian xét xử ngày 17/01/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà A, sinh năm 1983;

Địa chỉ: số 355 ấp M xã N thành phố P tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Ông B, sinh năm 1983;

Địa chỉ: số 48 Ô 1 ấp C xã D huyện E tỉnh Long An.

(các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/11/2021, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà A trình bày:

Trước đây bà và ông B là vợ chồng. Trong quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn nên bà và ông B đã ly hôn, được TAND huyện Thủ Thừa giải quyết bằng Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 61/2010/QĐST-HNGĐ ngày 16/8/2010. Theo đó công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà và ông B. Về con chung: có 01 con chung tên Q, sinh ngày: 08/7/2009,

sau khi ly hôn bà là người trực tiếp nuôi con, ông B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 365.000 đồng tính từ tháng 9/2010 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn thì ông B có cấp dưỡng hàng tháng cho con theo Quyết định nhưng nay cháu Quỳnh đã 12 tuổi, học lớp 7 tại trường Trung học cơ sở N, thành phố P nhu cầu cuộc sống tăng nên mức cấp dưỡng trên không còn phù hợp.

Do đó bà làm đơn khởi kiện yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng lên 1.500.000 đồng.

Bị đơn ông B trình bày:

Qua lời trình bày của bà A về thời gian sống chung, ly hôn, việc nuôi dưỡng con chung, cấp dưỡng nuôi con chung, ông thống nhất.

Sau khi ly hôn, hàng tháng ông vẫn cấp dưỡng đầy đủ cho cháu Q theo như Quyết định của Tòa án, ngoài ra hàng năm ông còn cho cháu tiền riêng nhiều lần, mỗi năm khoảng 5.000.000 đồng – 10.000.000 đồng.

Sau khi ly hôn với bà A, ông đã kết hôn với người khác, có 02 con chung, 01 cháu sinh năm 2013, 01 cháu sinh năm 2018.

Nay trước yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con của bà A, ông không đồng ý, chỉ đồng ý cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000 đồng. Vì: ông còn nuôi 02 con với vợ hiện tại, nuôi cha mẹ già, đã hơn 60 tuổi, không còn lao động được.

Hiện nay ông đang làm công nhân bảo trì ở Công ty hạt điều Mỹ Việt – cụm công nghiệp N, làm việc theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn, thu nhập hàng tháng khoảng 12.000.000 đồng. Vợ của ông cũng làm công nhân, thu nhập hàng tháng khoảng 5.000.000 đồng – 6.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Thường Ân – đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo pháp luật tố tụng và các đương sự trong vụ án đã chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án: đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Chứng cứ mà bà A cung cấp trong vụ án là: Bản sao giấy khai sinh của con chung; Bản sao sổ hộ khẩu và CMND của bà A; Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành; Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự.

Chứng cứ mà ông B cung cấp trong vụ án là: Bản sao Căn cước công dân, sổ hộ khẩu gia đình; Bản sao giấy chứng nhận kết hôn, Bản sao giấy khai sinh con, Hợp đồng lao động, Bảng lương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa **và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa**, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà A nộp đơn khởi kiện yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng từ 365.000 đồng lên 1.500.000 đồng đối với ông B có địa chỉ cư trú tại ấp C xã D huyện E, tỉnh Long An nên căn cứ vào Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là Tranh chấp về yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa.

[2] Về nội dung: xét yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn của bà A, Hội đồng xét xử thấy:

Theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 61/2010/QĐST-HNGĐ ngày 16/8/2010 của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, ghi nhận bà A trực tiếp nuôi con chung là cháu Q, sinh ngày 08/7/2009, ông B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 365.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 9/2010, quyết định cũng ghi rõ vì quyền lợi của con chung, một bên hoặc các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng. Xét thấy thời điểm thỏa thuận mức cấp dưỡng là từ năm 2010, hiện nay qua hơn 10 năm mức lương cơ bản của nhà nước đã tăng, thỏa thuận cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 365.000 đồng của bà A và ông B là không còn phù hợp, không thể đáp ứng được nhu cầu thiết yếu về ăn, mặc, ở, sinh hoạt và không đảm bảo cho việc học hành của con chung. Cho nên, bà A yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung chưa thành niên là có cơ sở theo Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình.

Về mức cấp dưỡng nuôi con bà A yêu cầu là 1.500.000 đồng mỗi tháng. Ông B trình bày sau khi ly hôn, ông đã kết hôn với O, hiện có 02 con chung, ông có trách nhiệm nuôi con chung, nuôi cha mẹ già nên chỉ đồng ý thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung Q mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Xét thấy, hiện nay ông B đang làm việc tại Công ty TNHH MTV chế biến hạt điều Mỹ Việt, hợp đồng không xác định thời hạn, thu nhập bình quân hàng tháng khoảng 12.628.927 đồng, đây là mức thu nhập ổn định tương đối cao. Mặc dù, ông B cho rằng ông phải nuôi con chung với bà O là vợ hợp pháp hiện tại và cha mẹ của ông. Nhưng theo ông Hằng trình bày thì bà O cũng có đi làm có thu nhập ổn định, cha mẹ ông có đất đai cho thuê canh tác cũng có thu nhập cho nên gia đình ông B không hoàn toàn phụ thuộc vào thu nhập của ông B.

Điều 110 và Điều 116 Luật hôn nhân gia đình quy định: Cha, mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên. Mức cấp dưỡng căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. ông B có công việc ổn định, và mức thu nhập hàng tháng 12.628.927 đồng/tháng nên thực tế là ông B có khả năng cấp dưỡng theo mức cấp dưỡng mà bà A yêu cầu là 1.500.000 đồng/tháng chỉ tương đương khoảng 1/11

mức thu nhập của ông B và mức cấp dưỡng này thực sự cần thiết đối với nhu cầu ăn mặc ở, sinh hoạt và học hành của cháu Q.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà A về việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn từ 365.000 đồng lên 1.500.000 đồng mỗi tháng.

[4] Về án phí: Bị đơn ông B phải chịu án phí về thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 35, 39, 147, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 107, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà A về việc “*Thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn*” với ông B.

Buộc ông B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên Q, sinh ngày 08/7/2009 mỗi tháng 1.500.000 đồng (*một triệu, năm trăm ngàn đồng*). Thời gian cấp dưỡng được tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Q đủ 18 tuổi.

Mức cấp dưỡng này thay cho mức cấp dưỡng tại Quyết định số 61/2010/QĐST-HNGĐ ngày 16/8/2010 của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

Bên không nuôi con được quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Cả hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Khi cần thiết các bên có thể thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: Ông B phải chịu 300.000 đồng án phí.

Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 9 của Luật thi hành án

dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Thủ Thừa;
- THA huyện Thủ Thừa;
- Các đương sự;
- Lưu HS;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thị Thùy Diễm